

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN N
THÀNH PHỐ H

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 72/2023/HS-ST
Ngày 15-6-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN N, THÀNH PHỐ H

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Lê Thị H

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị T

Bà Vũ Thị Phương L

- **Thư ký phiên toà:** Ông Phạm Đức H - Thư ký Toà án nhân dân quận N, thành phố H.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận N, thành phố H tham gia phiên toà:** Ông Trần Thành Đ - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận N, thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 67/2023/TLST-HS ngày 22 tháng 5 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 99/2023/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 6 năm 2023 đối với bị cáo:

Trần Văn A, sinh ngày 23 tháng 5 năm 1990, tại H. Nơi cư trú: Thôn Văn Chân, xã V, huyện C, thành phố H; nghề nghiệp: tự do; trình độ văn hóa: 04/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn T và bà Hà Thị C; chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Tại Bản án số 28/2011/HSST ngày 17/11/2011 Tòa án nhân dân huyện Cát Hải xử phạt 30 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy (đã được xóa án tích); Bị cáo được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 30/12/2022; có mặt.

Bị hại:

+ Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1976; nơi cư trú: Số 50A/112 đường N, phường M, quận N, thành phố H; vắng mặt.

+ Bà Bùi Thị T, sinh năm 1974; nơi cư trú: 12C CT3A2 đường Đ, phường V, quận N, thành phố H; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 10 giờ 50 phút ngày 15/12/2023, Trần Văn A điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Airblade màu đen (xe chưa đăng ký, không có BKS) đến khu vực đường N, phường M, quận N thấy nhà số 50A/112A mở cửa không khóa nên đã dựng xe mô tô trước cửa, quan sát thấy trên ghế sofa phòng khách có 01 điện thoại di động Redmi Note 10 màu trắng, trong nhà không có người nên Văn Anh đã nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản. Trần Văn A đi vào dùng tay phải lấy điện thoại định quay người bỏ đi thì đúng lúc này bà Nguyễn Thị L (sinh năm 1976, trú tại: số 50A/112 N, M, N) là chủ nhà đi về phát hiện liền hô hoán mọi người xung quanh bắt giữ Trần Văn A. Một lúc sau lực lượng công an phường M đến đưa Trần Văn A về trụ sở làm việc. Tại cơ quan điều tra, Trần Văn A khai nhận trước đó vào khoảng 09 giờ cùng ngày, Trần Văn A điều khiển xe mô tô trên đến khu tập thể A2 Đ, V, N để xin việc. Khi đi lên tầng 3 thấy trong nhà số 12C CT3A2 Đ, V không có người trong nhà, quan sát thấy trên bàn phòng khách có 01 điện thoại Samsung A51 màu đen nên Trần Văn A đã đi vào cầm điện thoại để vào trong túi áo khoác phía trước bụng sau đó điều khiển xe đi về hướng đường N, M. Quá trình xác minh điện thoại Samsung A51 màu đen là của bà Bùi Thị T (sinh năm 1974, nơi cư trú: 12C CT3A2 Đ, V, N, H).

Tại bản kết luận định giá tài sản số 73KL-HĐĐGTS ngày 23/12/2022 của Hội đồng định giá tài sản UBND quận N kết luận: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi Note 10 màu trắng đã qua sử dụng thời điểm bị xâm hại có giá 2.500.000 đồng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung A51 màu đen đã qua sử dụng thời điểm bị xâm hại có giá 2.700.000 đồng.

Bản kết luận giám định số 274 ngày 07/3/2023 của Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an thành phố H kết luận: Xe mô tô hai bánh, nhãn hiệu Airblade gửi giám định có số khung RLHKF5308NZ014070, số máy KF53E-0029129 là số nguyên thủy của nhà sản xuất, không bị tẩy xóa hoặc sửa chữa các ký tự.

Về xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự: Cơ quan điều tra Công an quận N đã trả lại cho bị hại là Bùi Thị T 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung A51 màu đen đã qua sử dụng, trả cho bà Nguyễn Thị L 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi Note 10 màu trắng đã qua sử dụng. Bà T và Bà L không yêu cầu bồi thường gì thêm. Đối với 01 xe mô tô xe mô tô hai bánh, nhãn hiệu Airblade gửi giám định có số khung RLHKF5308NZ014070, số máy KF53E-0029129 qua xác minh là của ông Trần Văn T (sinh năm 1962, cư trú: thôn V, xã V, huyện C, thành phố H là bố của Trần Văn A), việc Trần Văn A sử dụng xe của ông T đi trộm cắp ông T không biết nên Cơ quan Cảnh sát điều tra ra Quyết định trả lại cho ông T.

Tại Bản Cáo trạng số 77/CT-VKSNQ ngày 19/5/2023 của Viện Kiểm sát nhân dân quận N, thành phố H đã truy tố bị cáo Trần Văn A về tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa: Bị cáo Trần Văn A khai nhận hành vi thực hiện như nội dung nêu trên, phù hợp với nội dung bản cáo trạng và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Bị cáo nhận thức hành vi của mình là vi phạm pháp luật và đề nghị Hội đồng xét xử xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo do bị cáo đang bị bệnh HIV.

Bị hại bà Nguyễn Thị L và bà Bùi Thị T đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa đã được công bố lời khai, thể hiện không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm và bà Nguyễn Thị L có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

Kiểm sát viên tại phiên tòa giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm r, s khoản 1; khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Trần Văn A mức án từ 15 đến 18 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo do bị cáo không có thu nhập ổn định và tài sản riêng. Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng:

[1] Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, Điều tra viên Cơ quan điều tra Công an quận N, Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân quận N đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng là hợp pháp.

- Về căn cứ xác định tội danh và điều luật áp dụng đối với các bị cáo:

[2] Lời khai của bị cáo Trần Văn A tại phiên tòa thống nhất và phù hợp với lời khai của bị hại, Kết luận giám định và các tài liệu khác có trong hồ sơ, khẳng định: Trong khoảng thời gian từ 9 giờ đến 10 giờ 50 phút ngày 15/12/2022 tại địa bàn quận N, thành phố H, bị cáo Trần Văn A có hành vi lén lút chiếm đoạt 01 điện thoại di động Redmi Note 10 màu trắng đã qua sử dụng của bà Nguyễn Thị L trị giá 2.500.000 đồng và 01 điện thoại di động Samsung A51 màu đen đã qua sử dụng của bà Bùi Thị T trị giá 2.700.000 đồng. Tổng giá trị tài sản 2 lần chiếm đoạt là 5.200.000 đồng.

[3] Như vậy Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Bị cáo Trần Văn A phạm tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

[4] Viện Kiểm sát nhân dân quận N, thành phố H truy tố các bị cáo về tội danh và điều luật áp dụng là đúng theo quy định của pháp luật.

- Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản 02 lần, mỗi lần giá trị tài sản chiếm đoạt đều trên 2.000.000 đồng, do đó bị cáo phải chịu tính tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo đã tự khai báo ra hành vi trộm cắp thứ nhất; quá trình giải quyết vụ án thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị hại có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo; bản thân bị cáo là người bị bệnh hiểm nghèo HIV. Vì vậy bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm r, s khoản 1; khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

- Về nhân thân, tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội và quyết định hình phạt đối với bị cáo:

[7] Hành vi phạm tội của của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, gây mất trật tự an toàn xã hội. Nhân thân bị cáo đã có 01 tiền án năm 2011 về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy, mặc dù đã được xóa án tích nhưng cần đánh giá bị cáo là người có ý thức chấp hành pháp luật kém, cần thiết buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù tại cơ sở giam giữ theo quy định tại Điều 38 Bộ luật Hình sự mới đủ tác dụng giáo dục, răn đe bị cáo và phòng ngừa chung.

- Về hình phạt bổ sung:

[8] Bị cáo không có công việc và thu nhập không ổn định nên không cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

- Về xử lý vật chứng:

[9] Cơ quan Công an đã xử lý vật chứng theo đúng quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về trách nhiệm dân sự:

[10] Tài sản đã trả lại cho bị hại, bị hại không yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về án phí:

[11] Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

- Về quyền kháng cáo:

[12] Bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm r, s khoản 1; khoản 2 Điều 51; điểm g, khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt: Bị cáo Trần Văn A 15 (mười lăm) tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Thời hạn chấp hành hình tù kể từ ngày thi hành án.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

- Về án phí: Căn cứ Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; căn cứ điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội buộc bị cáo Trần Văn A phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo đối với bản án:

Bị cáo Trần Văn A được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị hại bà Nguyễn Thị L, bà Bùi Thị T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả T thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại;
- VKSND thành phố H;
- VKSND quận N;
- Cơ quan điều tra Công an quận N;
- Chi cục THADS quận N;
- Trại tạm giam Công an TP H;
- Cơ quan Thi hành án hình sự Công an quận N;
- PV 06 Công an thành phố H;
- Sở Tư pháp thành phố H;
- TAND TP H;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị H

